



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009  
đã được kiểm toán*

**ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	06 - 06
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	07 - 08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2009	11 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 10 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ kê khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại. Bán buôn thực phẩm chức năng.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/ Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiệu thuốc số 5                      37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh  
Hiệu thuốc số 6                      65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh  
Hiệu thuốc số 7                      90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông    NGUYỄN XUÂN CẨM	Chủ tịch (theo điều 1 của Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 30/12/2009 giao cho Ds Nguyễn Xuân Cẩm tạm thời giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay thế ông Vũ Khánh đang điều trị bệnh để xử lý các công việc thuộc trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT Công ty Yteco )
Ông    LÊ THIÊN PHƯỚC	Thành viên
Ông    TRẦN VĂN THỨNG	Thành viên
Ông    TRỊNH ĐÀO CUNG	Thành viên
Bà     DƯƠNG THỊ XUÂN HÀ	Thành viên

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông    TRỊNH ĐÀO CUNG	Giám đốc (theo điều 1 của Quyết định của Chủ tịch HĐQT Công ty Yteco bổ nhiệm Ds Trịnh Đào Cung giữ chức Giám đốc thay thế Giám đốc Lê Thiên Phước đang điều trị bệnh để điều hành tất cả các hoạt động doanh nghiệp của Yteco)
Ông    NGUYỄN HẢI HÀ	Kế toán trưởng

**Ban Kiểm soát**

Bà     VÔ THỊ THU CÚC	Trưởng ban
Ông    NGUYỄN QUANG VINH	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 01 tháng 03 năm 2010

**T.M. BAN GIÁM ĐỐC**

Giám đốc



**Đ.S. Trịnh Đào Cung**



Số ~~SĐ~~ BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009

của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 01 tháng 03 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Giám đốc Công ty**. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Hiện tại Công ty đang ghi nhận 1.044.796.920 đồng chi phí hoạt động đã phát sinh vào khoản phải thu khác của Chi nhánh Cần Thơ do Trưởng chi nhánh tạm chi chưa được Giám đốc phê duyệt theo quy định tài chính. Theo chúng tôi, Công ty cần phải sớm quyết toán khoản chi này, xác định nguồn thu và đối tượng chịu chi phí, kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế và các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH  
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)**

**Tổng Giám Đốc**



TP HCM, ngày 14 tháng 4 năm 2010

**Kiểm Toán Viên**

**NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC**  
Chứng chỉ KTV số 1091/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>378.338.494.652</b>	<b>219.102.964.678</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		25.289.406.924	29.880.238.482
1. Tiền	111	V.01	25.289.406.924	28.880.238.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	12.220.000.000	9.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.220.000.000	9.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		247.459.209.945	120.622.311.794
1. Phải thu của khách hàng	131		227.911.176.771	111.787.507.174
2. Trả trước cho người bán	132		16.757.393.725	8.455.468.544
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.807.431.821	1.516.841.472
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.016.792.372)	(1.137.505.396)
IV. Hàng tồn kho	140		90.308.725.847	53.684.118.599
1. Hàng tồn kho	141	V.04	91.089.990.560	56.257.587.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(781.264.713)	(2.572.668.454)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.061.151.936	5.915.195.803
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		67.888.085	26.488.750
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		775.333.520	711.504.988
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	49.332.816	20.450.718
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	2.168.597.515	5.157.051.347
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.994.254.631</b>	<b>10.383.314.593</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.538.804.016	9.660.816.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.566.225.225	5.873.029.574
- Nguyên giá	222		14.441.864.617	11.182.561.561
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.875.639.392)	(5.309.531.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	458.227.368	545.585.870
- Nguyên giá	225		735.810.985	735.533.545
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(277.583.617)	(189.847.675)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	578.597.770	650.571.246
- Nguyên giá	228		1.709.023.600	1.709.023.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.130.425.830)	(1.058.352.354)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2.935.753.653	2.591.430.106
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	-	326.009.749
- Nguyên giá	241		-	870.771.720
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	(544.761.971)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000	35.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	5.000.000	35.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		450.450.615	361.488.048
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	341.645.265	242.482.698
3. Tài sản dài hạn khác	268		108.805.350	119.005.350
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>390.332.749.283</b>	<b>229.486.279.271</b>





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>351.705.846.398</b>	<b>192.366.001.455</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>350.243.899.458</b>	<b>190.192.808.762</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	62.198.090.087	34.154.582.192
2. Phải trả người bán	312		215.181.804.041	132.814.507.320
3. Người mua trả tiền trước	313		61.567.239.284	16.873.516.224
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.649.805.991	1.781.554.105
6. Chi phí phải trả	316		47.624.900	154.675.727
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	8.599.335.155	4.412.773.194
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.461.946.940</b>	<b>2.173.192.693</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.216.012.140	1.883.120.333
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	245.934.800	290.072.360
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>38.626.902.885</b>	<b>37.120.277.816</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>36.870.905.974</b>	<b>35.897.259.436</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		303.471.383	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.637.293.256	5.214.513.966
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.962.945.050	1.660.959.842
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		967.196.285	1.021.785.629
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.755.996.911</b>	<b>1.223.018.380</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.755.996.911	1.223.018.380
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>390.332.749.283</b>	<b>229.486.279.271</b>

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (\*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4. Nợ khó đòi đã xử lý		17.293.920	17.293.920
5. Ngoại tệ các loại			
- Đô la Mỹ		145.674,15	54.190,88
- Bảng Anh		1,12	2,43
- Euro		27.937,36	3.172,27

Người lập biểu



Phạm Thanh Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà



Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Giám Đốc

ĐS. Trịnh Đào Cung



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	461.091.139.690	253.215.199.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.495.796.193	3.870.591.520
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		458.595.343.497	249.344.607.755
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	429.318.683.435	226.098.408.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.276.660.062	23.246.199.570
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	3.747.754.790	3.740.882.762
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	4.992.511.784	3.374.675.020
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.015.266.109	2.209.220.018
8. Chi phí bán hàng	24		16.324.698.296	11.054.070.541
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.905.881.453	6.342.155.306
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.801.323.319	6.216.181.465
11. Thu nhập khác	31		1.604.650.004	1.171.280.576
12. Chi phí khác	32		77.499.812	37.571.615
13. Lợi nhuận khác	40		1.527.150.192	1.083.708.961
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.328.473.511	7.209.890.426
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.23	1.288.769.360	2.013.262.451
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.039.704.151	5.206.627.975
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	21.570	18.809

Người lập biểu



Phạm Thanh Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà



Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Giám Đốc

ĐS. Trịnh Đào Cưng





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

( Theo phương pháp gián tiếp )

Năm 2009

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.328.473.511	7.299.890.426
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.181.154.852	955.178.572
- Các khoản dự phòng	03		(1.911.916.765)	1.685.106.636
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	278.949.110
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.078.987.634)	(1.827.967.549)
- Chi phí lãi vay	06		3.015.266.109	2.209.220.018
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.533.990.073	10.600.377.213
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(123.830.692.643)	(55.295.219.185)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(34.832.603.507)	(8.626.566.616)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		127.255.533.347	51.760.253.765
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(140.561.902)	(86.154.764)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.015.266.109)	2.209.220.018
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(289.555.546)	2.349.966.344
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.540.000	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(677.502.300)	(1.060.273.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.994.118.587)	12.733.230.088
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.733.132.323)	(3.034.993.364)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37.624.232.000)	
4. Tiền thu hồi từ cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		34.434.232.000	1.056.600.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.078.987.634	1.827.967.549
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.844.144.689)	(150.425.815)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		180.352.393.541	75.629.684.121
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(152.186.032.749)	(54.149.214.816)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(166.990.457)	(204.238.238)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.055.410.000)	(5.110.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26.943.960.335	6.165.511.067
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.894.302.941)	18.748.315.340
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.880.238.482	11.410.872.252
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		303.471.383	(278.949.110)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( 50+60+61 )	70	VII.25	25.289.406.924	29.880.238.482

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Tuyền

Nguyễn Hải Hà



Ngày 01 tháng 03 năm 2010

Giám Đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ

TP. HỒ CHÍ MINH

(YTECO)

ĐS. Trịnh Đức Cung

CÔNG TY  
CHÍNH SÁCH  
CH VỤ TƯ VẤN  
HÌNH KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
HÀ NAM  
P. HỒ CHÍ



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

### I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 60/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000534 ngày 01/08/2001, được thay đổi lần thứ 10 ngày 09/07/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế. Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), mỹ phẩm, sữa, sản phẩm dinh dưỡng, kính đeo mắt, vật tư – máy móc – phụ tùng các loại. Sửa chữa, bảo trì các loại máy móc và thiết bị y tế. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng. Sản xuất, mua bán tinh dầu, hương liệu, nông-lâm sản, thực phẩm, thiết bị ngành y tế và ngành thực phẩm, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương, xe cứu hỏa, thang máy, lò thiêu (xác, xử lý rác), máy giặt công nghiệp, máy phát điện, hàng điện tử và linh kiện điện tử, hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở công ty). Mua bán vật liệu ngành in. In trên bao bì (không in tại trụ sở công ty). Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Dịch vụ kê khai hải quan. Đại lý thu đổi ngoại tệ. Nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở công ty). Giặt ủi. Tư vấn du học. Tổ chức hội nghị, hội thảo. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại. Môi giới thương mại. Bán buôn thực phẩm chức năng.

Vốn điều lệ của Công ty là 28.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 9 ngách 97/24 Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	K49/51 Ông Ích Khiêm, Phường Thanh Bình, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	69 Cách Mạng Tháng Tám, P. An Hòa, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Quy Nhơn	297A Nguyễn Huệ, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Nhà thuốc Yteco số 1	419 Trần Hưng Đạo, Khu vực 2, Phường 1, TX Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Hiệu thuốc số 1	Trung tâm Thương mại Dược phẩm và trang thiết bị Y tế - số 134/1 Tô Hiến Thành, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 2	Trung tâm Dược phẩm Phú Thọ - 940 Đường 3/2, Quận 11, Tp.HCM
Hiệu thuốc số 4	68 Cách mạng tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 5	37D Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 6	65 Thuận Kiều, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiệu thuốc số 7	90 Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh





## II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

### 1. Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2009 và kết thúc vào ngày 30/09/2009.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực ban hành kèm theo. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm của các khoản công nợ phải thu, phải trả dài hạn được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính; Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn được ghi nhận trên khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trên Bảng cân đối kế toán.

### 2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

**2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp trích lập dự phòng như sau :

- Đối với hàng hóa chờ thanh lý, kém phẩm chất, quá hạn sử dụng hoặc có hạn sử dụng dưới 6 tháng: dự phòng giảm giá 100% giá trị;
- Đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 1 năm và trên 6 tháng : dự phòng giảm giá 50% giá trị.

### **3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**

**Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định:** Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- |                           |             |
|---------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc  | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị       | 07 năm      |
| - Phương tiện vận tải     | 10 năm      |
| - Thiết bị văn phòng      | 05 - 12 năm |
| - Tài sản cố định vô hình | 25 năm      |
| - Phần mềm máy tính       | 8 năm       |



**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:**

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.



Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền, công nợ phải thu, phải trả ngắn hạn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.





V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	954.802.640	705.057.253
- Tiền gửi ngân hàng	24.334.604.284	28.175.181.229
<b>Cộng</b>	<b>25.289.406.924</b>	<b>28.880.238.482</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		
- Tiền gửi kỳ hạn (*)	12.220.000.000	9.000.000.000
(*) Chi tiết số dư tại ngày 31/12/2009:		
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình - Sở giao dịch	3.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Sài Gòn	7.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Ngoại thương	2.220.000.000	
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Tại Văn phòng Công ty	1.594.878.604	919.369.930
- Hiệu thuốc số 1	27.559.929	5.773.839
- Hiệu thuốc số 2	983.600	1.228.899
- Hiệu thuốc số 4	389.188.115	1.834.985
- Chi nhánh Hà Nội	(55.303.751)	87.813.128
- Chi nhánh Đà Nẵng	18.820.152	5.565.087
- Chi nhánh Cần Thơ	1.831.305.172	1.952.255.604
<b>Cộng</b>	<b>3.807.431.821</b>	<b>1.516.841.472</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường	-	14.959.828
- Hàng hoá	91.089.990.560	56.42.427.225
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>91.089.990.560</b>	<b>56.257.387.053</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	20.450.718
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	49.332.816	-
<b>Cộng</b>	<b>49.332.816</b>	<b>20.450.718</b>
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
- Tạm ứng	717.469.106	776.120.019
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.451.128.409	3.363.369.190
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1.017.562.138
<b>Cộng</b>	<b>2.168.597.515</b>	<b>5.157.051.347</b>



7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	6.566.312.251	216.730.070	2.635.280.023	1.764.239.217	11.182.561.561
Mua trong năm	386.130.500	73.562.261		587.126.400	1.046.819.161
Chuyển từ BĐS đầu tư	870.771.720				870.771.720
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.341.712.175				1.341.712.175
Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối năm	9.164.926.646	290.292.331	2.635.280.023	2.351.365.617	14.441.864.617
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.039.277.762	49.033.197	1.386.712.233	834.508.795	5.309.531.987
Khấu hao trong năm	451.000.602	42.351.164	226.828.461	301.165.207	1.021.345.434
Chuyển từ BĐS đầu tư	544.761.971				544.761.971
Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối năm	4.035.040.335	91.384.361	1.613.540.694	1.135.674.002	6.875.639.392
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>					
Tại ngày đầu kỳ	3.527.034.489	167.696.873	1.248.567.790	929.730.422	5.873.029.574
Tại ngày cuối kỳ	5.129.886.311	198.907.970	1.021.739.329	1.215.691.615	7.566.225.225

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.228.960.437 đồng

8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
Số dư đầu kỳ	735.533.545	735.533.545
Thuê tài chính trong kỳ	277.440	277.440
Trả lại tài sản thuê tài chính		-
Số dư cuối kỳ	735.810.985	735.810.985
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	189.847.675	189.847.675
Khấu hao trong kỳ	87.735.942	87.735.942
Trả lại tài sản thuê tài chính		-
Số dư cuối kỳ	277.583.617	277.583.617
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
Tại ngày đầu kỳ	545.685.870	545.685.870
Tại ngày cuối kỳ	458.227.368	458.227.368



9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính, website	Tổng cộng
<b>I- Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu kỳ	1.633.223.600	75.800.000	1.709.023.600
Mua trong kỳ			-
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	1.633.223.600	75.800.000	1.709.023.600
<b>II- Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	994.219.014	64.133.340	1.058.352.354
Khấu hao trong kỳ	65.406.804	6.666.672	72.073.476
Số giảm trong kỳ			-
Số dư cuối kỳ	1.059.625.818	70.800.012	1.130.425.830
<b>III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>			
Tại ngày đầu kỳ	639.004.586	11.666.660	650.671.246
Tại ngày cuối kỳ	573.597.782	4.999.988	578.597.770

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.935.753.653	2.591.430.106
Trong đó:		
+ Công trình xây dựng, sửa chữa kho sau nhà văn phòng	287.150.820	-
+ Công trình nhà kho	312.982.453	333.482.453
+ Công trình xây dựng cao ốc	685.295.469	685.295.469
+ Hệ thống thông tin Quản trị doanh nghiệp	1.580.324.911	1.572.652.184
+ Sửa chữa nhà 76 Trương Ngọc Ánh	70.000.000	-

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	870.771.720	-	870.771.720	-
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	870.771.720		870.771.720	-
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	544.761.971	-	544.761.971	-
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	544.761.971		544.761.971	-
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
<b>Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	326.009.749	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	326.009.749			-
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				



**12. Đầu tư dài hạn khác**

Số cuối năm	Số đầu năm
5.000.000	25.000.000

- Công trái và trái phiếu

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
92.899.018	109.424.677
2.333.328	5.833.332
155.049.285	20.861.055
91.363.634	106.363.634
<b>341.645.265</b>	<b>242.482.698</b>

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

- Phần mềm quản lý GDP

- Chi phí sửa chữa, nâng cấp văn phòng, nhà kho

- Tiền đăng ký sử dụng gian hàng

**Cộng**

**14. Vay ngắn hạn**

Số cuối năm	Số đầu năm
62.198.090.087	33.992.729.295
-	151.852.897
-	95.360.972
-	66.491.925
<b>62.198.090.087</b>	<b>34.154.582.192</b>

- Vay ngắn hạn ngân hàng (\*)

- Nợ thuê tài chính đến hạn trả

+ Hợp đồng số 1995-06236 ngày 31/07/2006

+ Hợp đồng số 2168-07009 ngày 03/01/2007

**Cộng**

(\*) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn

+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	209.201,09	USD	#	3.753.276.756	VND
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam				878.713.323	VND
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn	557.919,10	USD	#	10.009.626.573	VND
+ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn				2.754.966.563	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2				3.105.802.488	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2	180.211,80	EUR	#	4.635.734.103	VND
+ Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2	1.629.195,00	USD	#	29.229.387.495	VND
+ Ngân hàng TMCP An Bình				5.277.100.000	VND
+ Ngân hàng TMCP An Bình	27.600,00	USD	#	495.171.600	VND
+ Ngân hàng Vietcombank	114.726,67	USD	#	2.058.311.186	VND
				<b>62.198.090.087</b>	

Công ty đã cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau:

- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam: Cầm cố tiền gửi có kỳ hạn tại MSB Sài Gòn trị giá 7.000.000.000 đồng; Thế chấp hàng tồn kho luân chuyển là dược phẩm, dược liệu, dụng cụ y tế các loại tại kho của Công ty Yteco trị giá là 10.000.000.000 đồng.

- Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Sài Gòn: Cam kết cầm cố, thế chấp toàn bộ tài sản của Bên vay nếu vi phạm hợp đồng này để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ; Dùng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ khác của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn cụ thể của Bên vay tại Ngân hàng.

- Ngân hàng BIDV - Sở Giao dịch 2: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là Người thụ hưởng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ngân hàng TMCP An Bình: Cầm cố, thế chấp các tài sản: Hàng tồn kho và khoản phải thu. Tổng giá trị tài sản tối thiểu bằng 125% tổng số dư nợ vay và số dư bảo lãnh L/C trả chậm tại mọi thời điểm.

- Ngân hàng Vietcombank: Tài sản đảm bảo khoản vay là các tài khoản tiền gửi của Yteco tại Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Tp.HCM có tổng giá trị là 2.220.000.000 đồng.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	189.527.827	135.235.367
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	930.096.525	1.516.778.107
- Thuế xuất, nhập khẩu	531.021.640	37.804.486
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.763.095	-
- Các loại thuế khác	20.396.904	32.136.145
<b>Cộng</b>	<b>2.649.805.991</b>	<b>1.781.954.105</b>

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế kiểm tra, thẩm định lại. Sau khi có quyết định chính thức của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	1.492.920	1.492.920
- Kinh phí công đoàn	26.051.812	(4.512.556)
- Bảo hiểm xã hội	(80.274.732)	-
- Bảo hiểm y tế	67.094.300	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.244.999.655	2.571.282.193
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.864.590.000	1.734.720.000
- Mượn tiền cá nhân		100.000.000
- Phải trả, phải nộp khác	1.475.381.200	9.790.637
<b>Cộng</b>	<b>8.599.335.155</b>	<b>4.412.773.194</b>

**17. Các khoản vay và nợ dài hạn**

	30/09/2009	01/01/2009
- Vay dài hạn ngân hàng (*)	94.500.000	283.500.000
- Vay dài hạn tại Chi nhánh Hậu Giang	150.000.000	
- Nợ dài hạn thuê tài chính	1.434.800	6.572.360
<b>Cộng</b>	<b>245.934.800</b>	<b>290.072.360</b>

(\*) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0025/07/SG ngày 21/06/2007. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay 1,02 %/ tháng. Biện pháp đảm bảo tiền vay: thế chấp xe ô tô hiệu Toyota biển số 50Z-0649.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 181 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
- Số dư đầu năm trước	28.000.000.000	-	4.845.850.007	1.397.628.443	1.350.098.606	35.593.577.056
- Lãi trong năm trước					5.266.627.975	5.266.627.975
- Tạm trích quỹ			368.663.958	263.331.399	(1.685.320.952)	(1.053.325.595)
- Chia cổ tức					(3.640.000.000)	(3.640.000.000)
- Lương HĐQT, Ban Kiểm soát					(269.620.000)	(269.620.000)
- Số dư cuối năm trước	28.000.000.000	-	5.214.513.965	1.660.959.842	1.021.785.629	35.897.259.436
- Số dư đầu năm nay	28.000.000.000	-	5.214.513.965	1.660.959.842	1.021.785.629	35.897.259.436
- Lợi nhuận tăng trong năm					6.039.704.151	6.039.704.151
- Chênh lệch tỷ giá		303.471.383				303.471.383
- Tạm trích quỹ (*)			422.779.291	301.985.208	(1.932.705.329)	(1.207.940.830)
- Chia cổ tức (*)					(3.920.000.000)	(3.920.000.000)
- Thủ lao HĐQT, Ban Kiểm soát (*)					(241.588.166)	(241.588.166)
Số dư cuối năm nay	28.000.000.000	303.471.383	5.637.293.256	1.962.945.050	967.196.285	36.870.905.974

(\*) Công ty tạm trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 09/04/2010. Việc phân phối lợi nhuận này sẽ được thông qua tại Đại hội Cổ đông.





**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
- Vốn góp của Nhà nước	8.120.000.000	29%	8.120.000.000	29%
- Vốn góp của Công nhân viên Công ty	2.064.000.000	7%	1.934.000.000	7%
- Vốn góp của cá nhân	17.816.000.000	64%	17.946.000.000	64%
<b>Cộng</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	280.000	280.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	280.000	280.000
+ Cổ phiếu phổ thông	280.000	280.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng.

**d. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	5.637.293.256	5.214.513.966
- Quỹ dự phòng tài chính	1.962.945.050	1.660.959.842
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.755.996.911	1.223.018.380

\* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: Dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:
  - + Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên của Công ty vào những dịp lễ tết, nhằm khuyến khích người lao động.
  - + Quỹ phúc lợi dùng để ủng hộ người nghèo, các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương.



**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**19. Doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
<b>- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>461.091.139.690</b>	<b>253.215.199.275</b>
Trong đó:		
+ Tại Văn phòng Công ty	387.848.596.106	211.203.937.835
+ Hiệu thuốc số 1	11.157.712.082	1.002.361.504
+ Hiệu thuốc số 2	2.604.996.011	2.170.382.643
+ Hiệu thuốc số 4	4.912.335.842	4.945.107.980
+ Hiệu thuốc số 5	166.653.576	170.189.482
+ Hiệu thuốc số 6	151.201.927	199.658.185
+ Hiệu thuốc số 7	185.526.053	238.451.635
+ Chi nhánh Hà Nội	1.899.889.034	4.073.274.786
+ Chi nhánh Đà Nẵng	261.355.963	2.245.261.292
+ Chi nhánh Cần Thơ	48.304.413.880	26.877.149.548
+ Chi nhánh Bình Định	501.144.532	39.424.385
+ Chi nhánh Hậu Giang	3.097.314.684	
<b>- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.495.796.193</b>	<b>3.870.591.520</b>
+ Giảm giá hàng bán	53.857.777	
+ Hàng bán bị trả lại	2.441.938.416	3.870.591.520
<b>- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>458.595.343.497</b>	<b>249.344.607.755</b>
+ Tại Văn phòng Công ty	385.523.529.659	207.629.059.440
+ Hiệu thuốc số 1	11.157.712.082	1.002.361.504
+ Hiệu thuốc số 2	2.604.996.011	2.170.382.643
+ Hiệu thuốc số 4	4.912.335.842	4.945.107.980
+ Hiệu thuốc số 5	166.653.576	170.189.482
+ Hiệu thuốc số 6	151.201.927	199.658.185
+ Hiệu thuốc số 7	185.526.053	238.451.635
+ Chi nhánh Hà Nội	1.899.889.034	4.021.892.470
+ Chi nhánh Đà Nẵng	256.355.963	2.122.222.694
+ Chi nhánh Cần Thơ	48.138.684.134	26.655.857.337
+ Chi nhánh Bình Định	501.144.532	39.424.385
+ Chi nhánh Hậu Giang	3.097.314.684	



**20. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
+ Tại Văn phòng Công ty	364.086.890.315	187.975.791.870
+ Hiệu thuốc số 1	9.823.842.563	9.995.082
+ Hiệu thuốc số 2	2.437.145.369	1.973.616.110
+ Hiệu thuốc số 4	4.664.737.614	4.546.844.284
+ Hiệu thuốc số 5	149.617.122	133.570.382
+ Hiệu thuốc số 6	134.004.594	133.035.948
+ Hiệu thuốc số 7	163.087.153	236.060.238
+ Chi nhánh Hà Nội	1.718.630.839	3.951.943.649
+ Chi nhánh Đà Nẵng	231.762.964	1.850.915.169
+ Chi nhánh Cần Thơ	42.477.141.531	24.248.281.872
+ Chi nhánh Bình Định	415.343.217	38.393.581
+ Chi nhánh Hậu Giang	3.016.480.154	-
<b>Cộng</b>	<b>429.318.683.435</b>	<b>226.098.408.185</b>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	2.078.987.634	1.827.967.549
- Thu khác	1.668.767.156	1.184.341.218
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	728.573.995
<b>Cộng</b>	<b>3.747.754.790</b>	<b>3.740.882.762</b>

**22. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay, lãi thuê tài chính	3.015.266.109	2.309.220.018
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.385.373.075	570.211.253
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	278.949.110
- Chi phí tài chính khác	591.872.600	316.294.639
<b>Cộng</b>	<b>4.992.511.784</b>	<b>3.374.675.020</b>

**23. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.328.473.511	7.299.890.426
Các khoản điều chỉnh tăng	35.922.830	550.543.749
Tổng số thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành	7.364.396.341	7.850.434.175
Thuế suất phổ thông	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.841.099.085	2.198.121.569
Giảm 30% thuế thu nhập theo thông tư 03/2009/TT-BTC	552.329.726	164.859.118
Thuế TNDN phải nộp	1.288.769.360	2.033.262.451



**24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.039.704.151	5.216.627.975
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	280.000	280.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.570	18.809

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

25. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ vì các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. Những thông tin khác**

**Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Người lập biểu



Phạm Thanh Tuyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Hà

Ngày 01 tháng 03 năm 2010  
Giám Đốc  
ĐS. Trịnh Đào Cung


